

Số: 5549/QĐ-BNN-KHCN

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2014

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA

CÔNG VĂN ĐẾN

Ngày 26 tháng 12 năm 2014

YC - BGD
- PHVT
- COTBA
- Tài chính
27/12/2014
G. G. G.

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành định mức tạm thời áp dụng cho chương trình, dự án khuyến nông Trung ương

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính-Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 15/2013/TT-BNNPTNT ngày 26/02/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định thực hiện một số Điều của Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông;

Xét đề nghị của Hội đồng tư vấn thẩm định, điều chỉnh định mức áp dụng cho chương trình, dự án khuyến nông lĩnh vực Trồng trọt- BVTV thành lập theo Quyết định số 4832/QĐ-BNN-KHCN ngày 06/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, họp ngày 13 và 14 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này gồm 10 định mức tạm thời áp dụng cho chương trình, dự án khuyến nông Trung ương thuộc lĩnh vực Trồng trọt- BVTV (chi tiết tại 10 phụ lục đính kèm).

Điều 2. Định mức tạm thời là căn cứ để lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí đối với chương trình, dự án khuyến nông Trung ương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các định mức tạm thời đã ban hành có liên quan.

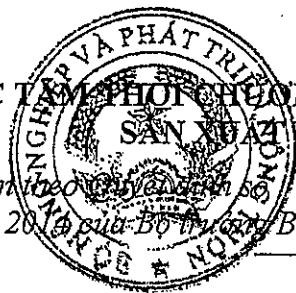
Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, Thủ trưởng đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

- Nơi nhận:
- Như Điều 4;
 - Bộ trưởng (để b/c);
 - Website KHCN, KNQG;
 - Lưu VT, KHCN (15 b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Lê Quốc Doanh



Phụ lục I:

ĐỊNH MỨC TẠM THỜI CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG MÔ HÌNH SẢN XUẤT ĐÒNG MẸ VÀ BÓ LÚA LAI

Ban hành kèm theo Quyết định số 5549/QĐ-BNN-KHCN ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

I/-PHẦN VẬT TƯ

Đơn vị tính cho 01 ha

T T	Hạng mục	Đơn vị	Yêu cầu của chương trình
1	Giống lúa		
	Sản xuất dòng mẹ nguyên chủng hệ 2 dòng (TGMS)	kg	30
	Sản xuất dòng mẹ nguyên chủng hệ 3 dòng (CMS)		
	Dòng mẹ A	kg	30
	Dòng bố B	kg	10
	Sản xuất dòng bố nguyên chủng	kg	40
2	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	140
3	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	80
4	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	135
5	GA3 (sản xuất dòng mẹ hệ 3 dòng)	gam	250
6	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đồng	4.000

II/-PHẦN TRIỂN KHAI

T T	Nội dung	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	05	
2	Tập huấn, đào tạo			
	Đối tượng tham gia xây dựng mô hình	ngày	02	02 lần, mỗi lần 01 ngày
	Đối tượng cán bộ kỹ thuật, kỹ thuật viên	ngày	05	02 lần, 02- 03 ngày/lần (30- 35 học viên/lớp)
3	Tham quan, hội thảo	lần	01	01 ngày
4	Tổng kết	lần	01	01 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách			
	Sản xuất dòng mẹ	ha	02	không quá 05 tháng/vụ
	Sản xuất dòng bố	ha	03	không quá 05 tháng/vụ



Phụ lục III:
**ĐỊNH MỨC VÀ THỜI GIỚI CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG MÔ HÌNH
TRỒNG GIỐNG DẦU LAI**

Ban hành kèm theo Quyết định số 5549/QĐ-BNN-KHCN ngày 24 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

I/-PHẦN VẬT TƯ

Đơn vị tính cho 01 ha

T T	Hạng mục	Đơn vị	Yêu cầu của chương trình	
			Năm 1	Năm 2
1	Giống dầu			
	Giống dầu trồng mới	cây	40.000	0
	Giống dầu trồng dặm	cây	2.000	0
2	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	140	230
3	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	100	130
4	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	150	180
5	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.000	1.500
6	Vôi bột	kg	1.000	0

II/-PHẦN TRIỂN KHAI

T T	Nội dung	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	02	
2	Tập huấn, đào tạo			
	Đối tượng tham gia xây dựng mô hình	ngày	03	năm thứ nhất 02 lần, năm thứ hai 01 lần, (mỗi lần 01 ngày)
	Đào tạo kỹ thuật cho đối tượng nhân rộng mô hình, khuyến nông viên	ngày	03	01 lần, (30- 35 học viên/lớp)
3	Tham quan, hội thảo	lần	01	01 ngày
4	Tổng kết	lần	01	01 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	05	không quá 09 tháng/01 năm



Phụ lục V:

**ĐỊNH MỨC THỜI GIAN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG MÔ HÌNH
NÚI TẦM TỪ TUỔI 4 ĐẾN KẾT THÚC THU HOẠCH KÉN**

Ban hành kèm theo Quyết định số 5549/QĐ-BNN-KHCN ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

I/-PHẦN VẬT TƯ

Đơn vị tính trên 01 ha dâu

T T	Hạng mục	Đơn vị	Yêu cầu của chương trình
1	Giống tằm tuổi 4 (trên cơ sở vòng trứng)	vòng	120
2	Foocmol	lít	20
3	Thuốc rắc tằm	kg	30
4	Than đá	kg	350
5	Vôi bột	kg	100

II/-PHẦN TRIỂN KHAI

T T	Nội dung	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	01	
2	Tập huấn, đào tạo			
	Đối tượng tham gia xây dựng mô hình	ngày	01	01 ngày
	Đối tượng nhân rộng mô hình, khuyến nông viên	ngày	02	01 lần, (30- 35 học viên/lớp)
3	Tham quan, hội thảo	năm	01	01 ngày
4	Tổng kết	năm	01	01 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách ¹	ha	05	theo thời gian các lứa tằm/năm, nhưng tổng thời gian không quá 05 tháng/01 năm

(1) Cán bộ chỉ đạo phụ trách: tương đương 600 vòng trứng tằm/05 ha dâu.



Phụ lục VII:
ĐỊNH MỨC TẬP HỢI THƯỜNG TRÌNH, DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG MÔ HÌNH DỊCH VỤ BẢO VỆ THỰC VẬT ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG

Ban hành kèm theo Quyết định số 5549/QĐ-BNN-KHCN ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

I/-PHẦN VẬT TƯ

Đơn vị tính cho 01 tổ dịch vụ, số lượng từ 3- 5 người

T T	Hạng mục	Đơn vị	Yêu cầu của chương trình
1	Công cụ phun thuốc	bộ	03
2	Bảo hộ lao động	bộ	05
3	Dụng cụ (vợt, kính núp cầm tay, hộp thu nuôi mẫu, sổ sách)	bộ	05
4	Bề thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật	03 ha	01

II/-PHẦN TRIỂN KHAI

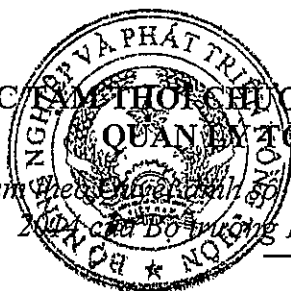
T T	Nội dung	Đơn vị	Định mức				
			Chè	Thanh long	Lúa	Rau dài ngày ¹	Rau ngắn ngày ²
1	Thời gian triển khai	tháng	9	9	5	3	2
2	Tập huấn kỹ thuật cho người thuộc tổ dịch vụ	ngày	9	9	5	5	5
3	Tham quan, hội thảo ³	lần	1	1	1	1	1
4	Tổng kết ³	lần	1	1	1	1	1
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	người	1	1	1	1	1
6	Cán bộ kỹ thuật điều tra sâu, bệnh hại	người	1	1	1	1	1
7	Hỗ trợ công phun thuốc bảo vệ thực vật ⁴	lần/năm	6	6			
8	Hỗ trợ công phun thuốc bảo vệ thực vật ⁴	lần/vụ			3	3	2

(1) Rau dài ngày: có chu kỳ sản xuất từ 03 đến 05 tháng.

(2) Rau ngắn ngày: có chu kỳ sản xuất dưới 03 tháng.

(3) Tham quan, hội thảo; Tổng kết: 01 ngày/01 lần

(4) Hỗ trợ công phun thuốc: theo giá của thị trường nhưng tối đa không quá 250.000 đồng/lần phun/ha.



Phụ lục IX:

ĐỊNH MỨC VÀ THỜI GIAN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG MÔ HÌNH

QUẢN LÝ TỔNG HỢP DỊCH HẠI HỒ TIÊU

Ban hành kèm theo Quyết định số 5549/QĐ-BNN-KHCN ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

I/-PHÂN VẬT TƯ

Đơn vị tính cho 01 ha

T T	Hạng mục	Đơn vị	Yêu cầu của chương trình		
			Năm 1	Năm 2	Năm 3
1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	161	161	161
2	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	83	83	83
3	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	210	210	210
4	Phân hữu cơ sinh học/Phân hữu cơ vi sinh	kg	7.500	7.500	7.500
5	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đồng	6.000	6.000	6.000
6	Chế phẩm Trichoderma	kg	120	120	120
7	Chế phẩm Metazhium	kg	120	120	120

II/-PHẦN TRIỂN KHAI

T T	Nội dung	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	01	
2	Tập huấn, đào tạo			
	Đối tượng tham gia xây dựng mô hình	lần	02	01 ngày/01 lần tập huấn
	Đối tượng nhân rộng mô hình, khuyến nông viên	ngày	03	01 lần, (30- 35 học viên/lớp)
3	Tham quan, hội thảo	lần	01	01 ngày
4	Tổng kết (01 năm tổng kết 01 lần)	lần	01	01 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	05	không quá 9 tháng/năm